

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2338**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **02** tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Cổng thông tin
doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng
dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy
định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin
điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành Cổng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *uue*

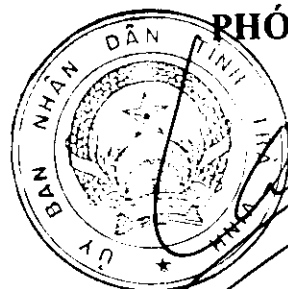
Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh TV;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành Cổng thông tin doanh nghiệp,
hộ kinh doanh, hợp tác xã tỉnh Trà Vinh**
(Kèm theo Quyết định số 2338/QĐ-UBND
ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quản lý, vận hành và sử dụng Cổng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Cổng thông tin doanh nghiệp).

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (gọi tắt là doanh nghiệp) có đăng ký hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tham gia cung cấp thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

Điều 2. Chức năng Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Tạo lập, tích hợp, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Cung cấp công cụ phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm: Tổng hợp, thống kê, báo cáo, thanh tra, kiểm tra; biên tập, kiểm duyệt, đăng tải thông tin về các chủ trương, cơ chế, chính sách pháp luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh; công cụ hỗ trợ tương tác giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

3. Cung cấp công cụ (gian hàng) phục vụ doanh nghiệp cung cấp thông tin, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ.

4. Cung cấp công cụ hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân trong, ngoài tỉnh tra cứu, tìm hiểu thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phục vụ trong việc kết nối, tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác phát triển sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Các thông tin, cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thường xuyên, đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan.

2. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu doanh nghiệp phải đảm bảo

đúng mục đích, tuân theo các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp thực hiện trên Cổng thông tin doanh nghiệp được cấp phát 01 tài khoản truy cập và được phân quyền để cập nhật các thông tin chuyên ngành do đơn vị phụ trách theo quy định.

Chương II

NỘI DUNG CUNG CẤP THÔNG TIN, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

CỔNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 4. Thông tin chủ yếu trên Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Cơ sở dữ liệu về thông tin doanh nghiệp, gồm: Tên giao dịch; loại hình hoạt động; mã số doanh nghiệp; địa chỉ; người đại diện pháp luật; ngày hoạt động; trạng thái hoạt động; điện thoại lên lạc, email; định vị vị trí và chỉ dẫn trên bản đồ; địa chỉ Website, Facebook, Zalo,... (nếu có); lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; giới thiệu sản phẩm, dịch vụ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có); áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa (nếu có); áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng (nếu có).

2. Kênh thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp gồm: Giới thiệu, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, văn bản pháp luật, tin tức, trao đổi nghiệp vụ, thông tin liên hệ.

3. Tiềm ích tra cứu thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp

a) Mức độ không đòi hỏi xác thực người dùng:

- Các thông tin tại Khoản 1, 2 Điều này.
- Các thông tin thống kê về số lượng, tình hình hoạt động, vốn, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Mức độ đòi hỏi xác thực người dùng: Ngoài những thông tin quy định tại Điểm a Khoản này, khi đăng nhập hệ thống thì người sử dụng được Cổng thông tin doanh nghiệp cung cấp các tiện ích sau:

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Cung cấp, tổng hợp, thống kê, báo cáo; biên tập, kiểm duyệt, đăng tải thông tin về các chủ trương, cơ chế, chính sách pháp luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh.
- Đối với doanh nghiệp: Quản trị gian hàng của doanh nghiệp; đăng tải, chỉnh sửa thông tin sản phẩm, dịch vụ.

Điều 5. Cung cấp, cập nhật thông tin Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Biên tập, kiểm duyệt và đăng tải, chỉnh sửa nội dung các kênh thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

2. Thiết lập mới, chỉnh sửa, bổ sung thông tin doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu doanh nghiệp của Cổng thông tin doanh nghiệp.

3. Liên kết, tích hợp thông tin doanh nghiệp từ các hệ thống thông tin

khác vào cơ sở dữ liệu doanh nghiệp của Cổng thông tin doanh nghiệp.

Điều 6. Nội dung quản lý, vận hành Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả vận hành Cổng thông tin doanh nghiệp.

2. Thiết lập mới, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện tính năng Cổng thông tin doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý, yêu cầu nghiệp vụ.

3. Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin Cổng thông tin doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Điều 7. Quản lý tài khoản đăng nhập Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Mỗi người dùng hệ thống thông tin doanh nghiệp được cấp 01 tài khoản đăng nhập gồm tên (user name) và mật khẩu (password).

2. Hệ thống tự khóa không cho tiếp tục đăng nhập khi người sử dụng đăng nhập không thành công 10 lần liên tục trong thời gian 10 phút.

3. Hệ thống tự động khóa không cho phép sử dụng tài khoản để đăng nhập hệ thống khi người sử dụng không đăng nhập hệ thống sau 30 ngày liên tục; việc khôi phục tài khoản do Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện trên cơ sở ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phụ trách quản lý, cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp, gồm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập mới, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện tính năng và tổ chức khai thác có hiệu quả Cổng thông tin doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý, nghiệp vụ.

b) Tổ chức cập nhật, đồng bộ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin và cập nhật dữ liệu vào hệ thống.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo hạ tầng kỹ thuật vận hành hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin Cổng thông tin doanh nghiệp.

d) Phối hợp với các ngành liên quan, thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Chịu trách nhiệm tổng hợp, biên tập, kiểm duyệt, đăng tải kịp thời các

thông tin thuộc trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư vào các kênh thông tin, gồm:

a) Kênh giới thiệu: Thông tin giới thiệu tiềm năng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư của tỉnh.

b) Kênh tin tức: Tin, bài về hoạt động, thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật và chế độ, chính sách; tin, bài, hình ảnh về các hoạt động liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, ưu đãi đầu tư (nếu có).

c) Kênh văn bản pháp luật: Các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành, chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư có liên quan sau khi cấp thẩm quyền ban hành.

d) Kênh trao đổi nghiệp vụ: Đăng tải các thông tin hỏi/đáp liên quan đến doanh nghiệp.

đ) Đăng tải các thông tin công khai khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, vận hành hệ thống thông tin doanh nghiệp được an toàn, bảo mật, thông suốt, liên tục 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan trong việc thiết lập kết nối liên thông Cổng thông tin doanh nghiệp với các hệ thống thông tin có liên quan.

3. Hướng dẫn các cơ quan, doanh nghiệp:

a) Cập nhật thông tin thuộc trách nhiệm cung cấp của doanh nghiệp vào cơ sở dữ liệu doanh nghiệp.

b) Cập nhật thông tin liên quan lên gian hàng của doanh nghiệp; khai thác tối đa tính năng, tiện ích của hệ thống phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Quản lý đảm bảo an toàn thông tin đối với tài khoản đăng nhập hệ thống: Phải thay đổi mật khẩu truy cập mặc định và thường xuyên thay đổi mật khẩu đăng nhập hệ thống, độ dài mật khẩu tối thiểu 8 ký tự, có ký tự thường, ký tự hoa, ký tự số hoặc ký tự đặc biệt như: !, @, #, \$, %,...

d) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng khi đăng tải, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, gian hàng của doanh nghiệp.

Điều 10. Thanh tra tỉnh

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nội dung Khoản 1, 3 Điều 13 và Khoản 3, 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ trưởng

Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập và Khoản 1, 3 Điều 12 và Khoản 3, 4 Điều 13 Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cung cấp thông tin doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Điều 11. Các sở, ban, ngành tỉnh

Tổng hợp, biên tập, kiểm duyệt, đăng tải kịp thời các thông tin, tài liệu, bài viết liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước lên các kênh thông tin, gồm:

1. Kênh giới thiệu: Quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, các chủ trương, chính sách, chương trình dự án quan trọng về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Kênh tin tức: Biên tập đăng tải các tin, bài về hoạt động, thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật và chế độ, chính sách; tin, bài, hình ảnh về các hoạt động liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, ưu đãi đầu tư.

3. Kênh văn bản pháp luật: Các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành, chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư về đất đai sau khi cấp thẩm quyền ban hành.

4. Các thông tin khác thuộc trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Chỉ đạo rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về hộ kinh doanh trên địa bàn. Các thông tin cập nhật gồm: Tên hộ kinh doanh, số giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh, vốn kinh doanh, họ và tên đại diện hộ kinh doanh, danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh, tình trạng hoạt động, cảnh báo vi phạm.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, biên tập, kiểm duyệt, đăng tải kịp thời các thông tin, tài liệu, bài viết liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương để đăng tải, công khai lên các kênh thông tin, gồm:

a) Kênh giới thiệu: Các thông tin giới thiệu tiềm năng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư; quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên; quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải; danh sách, thông tin về các nguồn thải, các loại chất thải có nguy cơ gây hại đến sức khỏe người dân và môi trường; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

b) Kênh tin tức: Biên tập đăng tải các tin, bài về hoạt động, thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật và chế độ, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước; tin, bài, hình ảnh về các hoạt động liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, ưu đãi đầu tư (nếu có);

c) Kênh văn bản pháp luật: Các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành, chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư.

d) Các thông tin khác có liên quan thuộc trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin của địa phương.

Chương IV

KINH PHÍ THỰC HIỆN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành lập dự toán kinh phí đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ được giao trình cấp thẩm quyền phân bổ kinh phí thực hiện.

Điều 14. Chế độ báo cáo và kiểm tra

Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc, theo dõi các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Quy chế này; định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện để nắm, chỉ đạo.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.